| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1946/2023/QĐST-HNGĐ | *Biên Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2832/2023/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979

Nơi thường trú: Thôn Mai Lâm, xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi tạm trú: 221A, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Thôn Mai Lâm, xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị K tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1997. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm, suy nghĩ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T và bà K đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T và bà K thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân T có 02 con chung gồm: Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 11/8/1998; Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 15/8/2006; Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao cháu H2 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà K không cấp dưỡng. Riêng cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 15/8/2006 cho ông Nguyễn Xuân T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Nguyễn Xuân H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông T, bà K khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí bà K và ông T đã nộp theo biên lai số 0009853 ngày 28/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí bà K và ông T phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Hướng**